

Số: 09/QĐ-VPC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mức thu học phí đào tạo lái xe

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển năng lượng Việt Nam;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc công ty;

Căn cứ công văn số 6193/CT-CS của Cục thuế ngày 23 tháng 12 năm 2025 trả lời thuế tỉnh Đắk Lắk về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động đào tạo lái xe.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành mức thu học phí đào tạo lái xe của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình (mức thu chi tiết các hạng đào tạo theo bảng đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, thay thế Quyết định số 08/QĐ-VPC ngày 30/08/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam về việc phê duyệt mức thu học phí đào tạo lái xe. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình có trách nhiệm báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện việc thu, sử dụng học phí theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình cùng các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Công

Mức thu học phí đào tạo lái xe của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình (Ban hành kèm theo Quyết định số: .09./QĐ-VPC ngày 31 tháng 12 năm 2025)



TT	Chương trình đào tạo	Đơn vị tính	Mức thu theo từng học phần	Thuế GTGT (8%)	Học phí đào tạo (bao gồm VAT)
1	Đào tạo lái xe mô tô hạng A1	đồng/học viên	450.000	36.000	486.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		70.000	5.600	75.600
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		380.000	30.400	410.400
2	Đào tạo lái xe ô tô hạng B	đồng/học viên	16.000.000	1.280.000	17.280.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		500.000	40.000	540.000
	- Học các môn cơ sở		1.000.000	80.000	1.080.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		14.500.000	1.160.000	15.660.000
3	Đào tạo lái xe ô tô hạng C1	đồng/học viên	19.000.000	1.520.000	20.520.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		500.000	40.000	540.000
	- Học các môn cơ sở		1.000.000	80.000	1.080.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		17.500.000	1.400.000	18.900.000
4	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng B lên C1	đồng/học viên	8.000.000	640.000	8.640.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		150.000	12.000	162.000
	- Học các môn cơ sở		150.000	12.000	162.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		7.700.000	616.000	8.316.000
5	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng B lên C	đồng/học viên	10.000.000	800.000	10.800.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		200.000	16.000	216.000
	- Học các môn cơ sở		300.000	24.000	324.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		9.500.000	760.000	10.260.000
6	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C1 lên C	đồng/học viên	9.000.000	720.000	9.720.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		150.000	12.000	162.000
	- Học các môn cơ sở		150.000	12.000	162.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		8.700.000	696.000	9.396.000
7	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng B lên D2	đồng/học viên	12.000.000	960.000	12.960.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		200.000	16.000	216.000
	- Học các môn cơ sở		300.000	24.000	324.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		11.500.000	920.000	12.420.000

M.S.D.N: 01010000000000000000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

TT	Chương trình đào tạo	Đơn vị tính	Mức thu theo từng học phần	Thuế GTGT (8%)	Học phí đào tạo (bao gồm VAT)
8	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C1 lên D2	đồng/học viên	11.000.000	880.000	11.880.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		200.000	16.000	216.000
	- Học các môn cơ sở		300.000	24.000	324.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		10.500.000	840.000	11.340.000
9	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C lên D2	đồng/học viên	10.000.000	800.000	10.800.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		150.000	12.000	162.000
	- Học các môn cơ sở		150.000	12.000	162.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		9.700.000	776.000	10.476.000
10	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng D1 lên D2	đồng/học viên	9.000.000	720.000	9.720.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		150.000	12.000	162.000
	- Học các môn cơ sở		150.000	12.000	162.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		8.700.000	696.000	9.396.000
11	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C lên D	đồng/học viên	12.000.000	960.000	12.960.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		200.000	16.000	216.000
	- Học các môn cơ sở		300.000	24.000	324.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		11.500.000	920.000	12.420.000
12	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng D1 lên D	đồng/học viên	12.000.000	960.000	12.960.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		200.000	16.000	216.000
	- Học các môn cơ sở		300.000	24.000	324.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		11.500.000	920.000	12.420.000
13	Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng D2 lên D	đồng/học viên	10.000.000	800.000	10.800.000
	- Học Pháp luật về giao thông đường bộ		150.000	12.000	162.000
	- Học các môn cơ sở		150.000	12.000	162.000
	- Học kỹ thuật và thực hành lái xe		9.700.000	776.000	10.476.000

Lưu ý: Mức thuế giá trị gia tăng sẽ được tính theo quy định pháp luật hiện hành.